

UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

SỔ TAY HƯỚNG DẪN
THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC
NÔNG NGHIỆP THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO
BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(TIÊU DỰ ÁN 1 – DỰ ÁN 3)

THÁNG 11 NĂM 2023

Lời mở đầu

Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo là một trong những giải pháp căn cơ để giảm nghèo bền vững được phê duyệt theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp theo đó Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện tương đối đầy đủ, tạo thuận lợi cho các cơ quan quản lý nhà nước và người dân tiếp cận chính sách và tổ chức thực hiện. Nhờ đó, việc hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nói chung và hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp nói riêng có sự chuyển biến rõ nét, cách thức triển khai tổ chức thực hiện được cải tiến, người nghèo đã tiếp cận, thụ hưởng được chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tiếp thu khoa học, kỹ thuật và tiếp cận với thị trường tiêu thụ sản phẩm nên năng xuất, chất lượng, giá trị sản phẩm đạt cao hơn và có thu nhập tăng thêm ổn định góp phần giảm nghèo bền vững.

Tuy nhiên, việc hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn một số hạn chế nhất định chưa đáp ứng được yêu cầu giúp người nghèo ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản

xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững. Có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về nhận thức, hiệu chính sách và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để giảm nghèo của cán bộ và người dân.

Để giúp các địa phương trong tỉnh thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên có hiệu quả, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức biên soạn và ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Tiểu dự án 1 – Dự án 3).

Cuốn Sổ tay này được biên soạn và hệ thống hóa cách thức tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp dựa trên Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ, Thông tư số 04/2022/TTBNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày

15/8/2023 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên; Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên; Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của UBND tỉnh Phú Yên và các văn bản có liên quan khác. Nhóm tác giả đã biên soạn một cách cô đọng nhất để dễ đọc và dễ áp dụng. Hy vọng, cuốn sách sẽ hỗ trợ cho các địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp, HTX trong việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2021-2025. Do thời gian có hạn, việc biên soạn chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót, rất mong sự góp ý của quý vị để hoàn thiện tái bản lần sau.

Xin chân thành cảm ơn các sở, ngành, địa phương đã góp ý hoàn chỉnh cuốn sổ tay này./.

BAN BIÊN TẬP
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH PHÚ YÊN

GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY

Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên là tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ nhằm giúp cho các địa phương, các doanh nghiệp, HTX, người dân nắm được quy trình và nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo từ khâu chuẩn bị đề xuất dự án, xây dựng dự án, phê duyệt dự án, đến tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả hỗ trợ phát triển sản xuất, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để giảm nghèo bền vững.

MỤC LỤC

Lời mở đầu	2
GIỚI THIỆU VỀ SỔ TAY.....	5
Phần 1: Nội dung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	9
1. Khái niệm về hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.....	10
1.1. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.....	10
1.2. Hỗ trợ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo (Tiểu dự án 1 – Dự án 3).....	10
2. Nội dung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	11
2.1. Nội dung 1: Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp	11
2.2. Nội dung 2: Hỗ trợ dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.....	12
2.3. Nội dung 3: Tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.....	12
3. Nguyên tắc hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP).....	13
4. Đối tượng hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp (Tiểu dự án 1 – Dự án 3) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo.....	14
5. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	14
6. Mức hỗ trợ, nguồn vốn và thời gian thực hiện	15

6.1. Mức hỗ trợ cho dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Phú Yên (theo Nghị quyết số 09/2023/NQ0HĐND tỉnh Phú Yên).....	15
6.2. Mức hỗ trợ tập huấn, tư vấn (theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC).....	16
6.3. Nguồn vốn thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí.....	16
6.4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến năm 2025.....	16
7. Thu hồi và luân chuyển vốn: thực hiện theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên.	16
7.1. Hình thức, tỷ lệ, mức vốn thu hồi và thời gian thu hồi... ..	16
7.2. Xử lý các trường hợp rủi ro.....	17
7.3. Trình tự luân chuyển vốn.....	19
7.4. Thẩm quyền thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật:	20
7.5. Quản lý, sử dụng vốn thu hồi.....	20
7.6. Quy trình theo dõi, giám sát.....	21
Phần 2: Hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng	22
1. Khái niệm	23
2. Điều kiện hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng.....	23
3. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	23
4. Các căn cứ pháp lý thực hiện dự án	24
5. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án.....	25
5.1. Thông báo, phổ biến chính sách hỗ trợ: Tổ chức phổ biến chính sách hỗ trợ đến cộng đồng dân cư và người dân.....	25
5.2. Xây dựng, thẩm định dự án.....	26
6. Tổ chức thực hiện dự án.....	29

7. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương thức mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất (Khoản 3. Điều 58; Khoản 2, điều 3, Thông tư số 55/2023/TT-BTC)	29
8. Trách nhiệm của UBND cấp xã	30
9. Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên	30
Phụ lục: Các mẫu biểu sử dụng trong Sổ tay	32
BIỂU MẪU 1: BIÊN BẢN HỌP THÔN, BẢN	33
BIỂU MẪU 2: Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	35

Phần 1

**Nội dung chính sách hỗ trợ
phát triển sản xuất trong lĩnh
vực nông nghiệp thuộc
Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững giai
đoạn 2021-2025**

1. Khái niệm về hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

1.1. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

Là việc sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các đối tượng của Chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo, tạo thu nhập ổn định và nâng cao thu nhập cho người dân thuộc đối tượng của chương trình mục tiêu quốc gia. Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất gồm: Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ; hỗ trợ phát triển sản xuất đặc thù. (*Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP*)

1.2. Hỗ trợ sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo (Tiểu dự án 1 – Dự án 3)

Là hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững. (*Thông tư số 04/2022/TTBNNPTNT*).

2. Nội dung chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

2.1. Nội dung 1: Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp

2.1.1. Thực hiện hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật.

2.1.2. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực sau:

a) Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

b) Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất;

c) Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

d) Khai thác ngư nghiệp: Hỗ trợ hàm bảo quản thủy sản khai thác trên tàu cá; ngư cụ đánh bắt;

đ) Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản;

e) Diêm nghiệp: Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ trong sản xuất, chế biến muối.

2.1.3. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2.2. Nội dung 2: Hỗ trợ dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng

2.2.1. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật; hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyên giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2.2.2. Hỗ trợ sản xuất theo các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

2.2.3. Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng.

2.2.4. Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2.3. Nội dung 3: Tập huấn, tư vấn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả

2.3.1. Hỗ trợ xây dựng tài liệu tập huấn, tư vấn; xây dựng cẩm nang, sổ tay hướng dẫn về quản lý tiêu thụ nông sản, thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

2.3.2. Hỗ trợ tổ chức tập huấn, tư vấn:

a) Quản lý tiêu thụ nông sản: quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm;

b) Thị trường, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả;

c) Áp dụng các tiêu chuẩn trong sản xuất và chế biến sản phẩm;

d) Chính sách, pháp luật liên quan đến hỗ trợ phát triển sản xuất, tiêu thụ nông sản; quản lý rủi ro về dịch bệnh, thiên tai, tài chính trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

đ) Các nội dung tập huấn, tư vấn khác phù hợp với địa phương và quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

2.3.3. Hỗ trợ tổ chức, quản lý các lớp tập huấn và các hỗ trợ khác theo quy định của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

3. Nguyên tắc hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp (Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)

3.1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025.

3.2. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3.3. Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất.

3.4. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

3.5. Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm

định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

3.6. Các dự án phải đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định), người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

3.7. Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

4. Đối tượng hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp (Tiểu dự án 1 – Dự án 3) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo

4.1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định); người dân sinh sống trên địa bàn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

4.2. Hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

5. Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

5.1. Đối với hoạt động của Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của địa phương.

- Phù hợp với điều kiện, đặc điểm, nhu cầu sản xuất của hộ nghèo, cận nghèo.

- Quá trình lựa chọn hộ tham gia, lựa chọn hoạt động phải đảm bảo công khai, dân chủ, có sự tham gia và cam kết của các hộ tham gia trong việc xây dựng và thực hiện dự án.

- Các đối tượng tham gia dự án được hỗ trợ tùy theo nội dung của dự án theo quy định của địa phương.

5.2. Đối với các hộ tham gia dự án

- Có điều kiện về đất đai, lao động và tư liệu sản xuất đáp ứng với nội dung của dự án.

- Các hộ phải có đất đai, lao động, tư liệu sản xuất phù hợp với nội dung của dự án;

- Có cam kết thực hiện đúng các nội dung sản xuất đã đăng ký.

6. Mức hỗ trợ, nguồn vốn và thời gian thực hiện

6.1. Mức hỗ trợ cho dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Phú Yên (theo Nghị quyết số 09/2023/NQ0HĐND tỉnh Phú Yên)

a) Mức hỗ trợ cho 1 dự án: Hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án: không quá 450 triệu đồng/dự án.

b) Mức hỗ trợ cho 01 hộ:

- Hộ nghèo: không quá 20 triệu đồng/hộ.

- Hộ cận nghèo: không quá 18 triệu đồng/hộ.

- Hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định): không quá 16 triệu đồng/hộ.

c) Mức chi xây dựng và quản lý dự án (theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC): Mức tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện dự án, mô hình. Nội dung thực hiện:

- Chi lập và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án, mô hình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại các Điều 2, 3, 4, 5 và 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

- Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án, mô hình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

- Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

6.2. Mức hỗ trợ tập huấn, tư vấn (theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC)

- Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 được sửa đổi, bổ sung tại các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ Tài chính, cụ thể: Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu; thù lao giáo viên; thuê hội trường, VPP tài liệu, hỗ trợ tiền ăn nghỉ, đi lại cho người không hưởng lương...

6.3. Nguồn vốn thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí

- Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương (kinh phí sự nghiệp) phân bổ hàng năm, vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên và vốn huy động hợp pháp khác.

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

6.4. Thời gian thực hiện: Từ năm 2023 đến năm 2025.

7. Thu hồi và luân chuyển vốn: thực hiện theo Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên.

7.1. Hình thức, tỷ lệ, mức vốn thu hồi và thời gian thu hồi

a) Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền hoặc hiện vật.

b) Tỷ lệ thu hồi vốn ngân sách Nhà nước đã hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện dự án.

- Tỷ lệ thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng đối với dự án thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn: 05%/vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho dự án.

- Tỷ lệ thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật trong cộng đồng đối với dự án thực hiện trên địa bàn khó khăn: 10%/vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho dự án.

- Tỷ lệ thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật trong cộng đồng đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: 15%/vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho dự án.

c) Mức vốn thu hồi và thời gian thu hồi

- Mức vốn thu hồi: Căn cứ tỷ lệ thu hồi vốn quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định số vốn phải thu hồi trong quyết định phê duyệt dự án.

- Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi dự án kết thúc.

7.2. Xử lý các trường hợp rủi ro

a) Khi rủi ro xảy ra, thành viên hộ gia đình tham gia dự án phải báo ngay với Tổ trưởng Tổ hợp tác, hoặc người đại diện cộng đồng để báo với UBND cấp xã, cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện Dự án (Cơ quan chủ trì).

b) Cơ quan chủ trì phối hợp với UBND cấp xã, đại diện tổ cộng đồng, hộ gia đình lập biên bản tại chỗ xác định nguyên nhân chủ quan, khách quan; trách nhiệm các bên, đánh giá mức độ thiệt hại, Báo cáo UBND cấp huyện.

UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định; Tổ thẩm định xác định và đánh giá về mức độ thiệt hại cụ thể để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chỉnh tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng, cũng như gia hạn thời gian thu hồi vốn;

c) Xác định tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng và gia hạn thời gian thu hồi vốn quay vòng (kể từ khi kết thúc thời gian thu hồi theo quy định) được căn cứ theo tỷ lệ thiệt hại so với hiệu quả, kết quả đầu ra theo quyết định phê duyệt dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng, cụ thể:

- Thiệt hại dưới 20%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 04 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 90% tỷ lệ được quy định.

- Thiệt hại từ 20% đến dưới 40%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 06 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 70% tỷ lệ được quy định.

- Thiệt hại từ 40% đến dưới 60%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 09 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 50% tỷ lệ được quy định.

- Thiệt hại từ 60% đến dưới 80%: Thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng tối đa 12 tháng. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng bằng 30% tỷ lệ được quy định.

- Thiệt hại từ 80% trở lên: Không thực hiện thu hồi vốn quay vòng.

d) Trong trường hợp đã hết thời gian gia hạn thu hồi vốn quay vòng nhưng vẫn không thể thực hiện thu hồi:

- Đối với trường hợp hộ dân tham gia dự án mà lao động chính trong hộ bị chết đột ngột và hộ đó thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo không có khả năng chi trả lại nguồn vốn thì Tổ thẩm định tiến hành kiểm tra, xác minh và lập biên bản xác nhận; đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định không thực hiện thu hồi vốn quay vòng.

- Trường hợp không thể thực hiện thu hồi vốn do các nguyên nhân chủ quan thì thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân thực hiện chi trả lại vốn quay vòng trong thời gian 01 tháng.

Nếu hết thời hạn 01 tháng mà người dân vẫn không tự giác chấp hành nghĩa vụ trả lại vốn quay vòng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa người dân này ra khỏi danh sách các hộ dân được hỗ trợ hoặc hưởng lợi từ các chính sách có liên quan của Nhà nước trên địa bàn.

đ) Trường hợp người dân đang tham gia dự án nhưng không còn nhu cầu hoặc khả năng để tiếp tục thực hiện dự án hoặc thực

hiện không đúng cam kết ban đầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào điều kiện thực tế để xem xét, yêu cầu người dân này hoàn trả lại số tiền hoặc hiện vật đã được hỗ trợ ban đầu để điều chuyển sang cho người dân khác có nhu cầu và đủ điều kiện để tham gia dự án.

7.3. Trình tự luân chuyển vốn

a) Quay vòng vốn

- Bảng tiền: Hộ gia đình nộp cho đại diện cộng đồng dân cư để nộp vào tài khoản tại Kho bạc nhà nước của cơ quan, đơn vị chủ trì.

- Bảng hiện vật: Cộng đồng dân cư giao hộ tự nuôi dưỡng, bảo quản cho đến khi luân chuyển cho các đối tượng khác.

b) Tổ chức bình xét danh sách hộ được luân chuyển

- Hội đồng bình xét: Đại diện cộng đồng dân cư chủ trì cuộc họp, có sự tham gia của đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; trưởng thôn, buôn hoặc khu phố và các đối tượng đăng ký tham gia dự án, phương án (có ít nhất 2/3 số đối tượng đăng ký tham gia dự án, phương án có mặt).

- Nội dung: Căn cứ các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất của hộ đăng ký tham gia dự án, phương án đáp ứng được nội dung của dự án, phương án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án (các yêu cầu này do cộng đồng dân cư lựa chọn), tiến hành thảo luận để lựa chọn đối tượng được luân chuyển trong số các đối tượng đăng ký tham gia dự án, phương án.

Lập biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách đối tượng được lựa chọn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để đề xuất cơ quan, đơn vị chủ trì để thực hiện luân chuyển vốn tham gia dự án, phương án sản xuất.

c) Luân chuyển

Tiền và hiện vật quay vòng luân chuyển không vượt quá định mức hỗ trợ tối đa do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Luân chuyển bằng tiền mặt: cơ quan, đơn vị chủ trì căn cứ danh sách đối tượng luân chuyển đã phê duyệt để thực hiện theo số tiền thu hồi được.

- Luân chuyển bằng hiện vật: Cộng đồng dân cư căn cứ danh sách đối tượng luân chuyển đã phê duyệt, trực tiếp luân chuyển hiện vật. Trường hợp đối tượng được lựa chọn luân chuyển không có nhu cầu sử dụng hiện vật quay vòng thì cơ quan, đơn vị chủ trì bán thu tiền nộp vào tài khoản kho bạc nhà nước.

7.4. Thẩm quyền thu hồi vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật:

Dự án kết thúc, UBND cấp huyện ban hành quyết định thu hồi theo tỷ lệ quy định.

7.5. Quản lý, sử dụng vốn thu hồi

- Cơ quan, đơn vị chủ trì (được UBND cấp huyện giao nhiệm vụ) mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để quản lý nguồn kinh phí thu hồi bằng tiền đã hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo cộng đồng thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn, cụ thể:

Tên tài khoản: Quỹ quay vòng vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật phát triển sản xuất cộng đồng.

Chủ tài khoản: Lãnh đạo cơ quan, đơn vị chủ trì.

Nơi mở tài khoản: Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Để thu chi tiền thu hồi luân chuẩn (thu hồi quay vòng bằng tiền và hiện vật quay vòng được bán thu tiền).

- Tiền hoặc hiện vật thu hồi được sử dụng để quay vòng cho các dự án mới được phê duyệt.

- Hàng năm căn cứ dự toán nguồn ngân sách Nhà nước giao của Chương trình MTQG và nguồn quỹ quay vòng, UBND cấp huyện giao các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn, giao dự toán ngân sách Nhà nước cho các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

7.6. Quy trình theo dõi, giám sát

a) UBND cấp xã: thông báo nội dung của dự án được phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm số kinh phí, hiện vật thu hồi, thời gian thu hồi để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

b) Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ hàng tháng, sơ kết năm và tổng kết dự án, gửi UBND xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện.

d) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn theo tiến độ thực hiện dự án đã được phê duyệt.

đ) UBND cấp xã: theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị UBND cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

e) Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã phối hợp với Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với UBND cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

Phần 2

**Hướng dẫn thực hiện dự án
hỗ trợ phát triển sản xuất
theo cộng đồng**

1. Khái niệm

Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là phương thức hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện dự án, phương án phát triển sản xuất do chính cộng đồng dân cư đề xuất, tổ chức thực hiện.

2. Điều kiện hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng

a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án phát triển sản xuất là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

d) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án.

3. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Các dự án, phương án được lựa chọn phải đảm bảo đáp ứng tất cả các tiêu chí dưới đây:

a) Tiêu chí 1: 100% hộ tham gia dự án, phương án có lao động, có đất sản xuất, dịch vụ hoặc cơ sở vật chất để sản xuất phù hợp với cây trồng, vật nuôi, dịch vụ của dự án, phương án.

b) Tiêu chí 2: 100% cây trồng, vật nuôi, dịch vụ thuộc dự án, phương án nằm trong quy hoạch, định hướng sản xuất nông nghiệp tại địa phương, có hiệu quả và bền vững; ưu tiên dự án, phương án tạo ra sản phẩm được công nhận là sản phẩm OCOP.

c) Tiêu chí 3: 100% nội dung và ngân sách nhà nước hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phù hợp quy định các chương trình mục tiêu quốc gia.

d) Tiêu chí 4: 100% đối tượng thực hiện dự án, phương án, kế hoạch phù hợp với từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Các căn cứ pháp lý thực hiện dự án

- Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

- Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025.

- Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

- Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ Nghị quyết số 09/2023/NĐ-HĐND ngày 7/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành quy định nội

dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Căn cứ Nghị quyết số 16/2023/NĐ-HĐND ngày 18/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên về ban hành Quy định nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021-2025.

- Căn cứ Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Căn cứ Quyết định số 726/2022/QĐ-BNNPTNT-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật Khuyến nông Trung ương.

- Căn cứ Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

- Các văn bản quy định khác có liên quan.

5. Các bước xây dựng, phê duyệt dự án

5.1. Thông báo, phổ biến chính sách hỗ trợ: Tổ chức phổ biến chính sách hỗ trợ đến cộng đồng dân cư và người dân.

- Hình thức: Văn bản thông báo, tổ chức cuộc họp phổ biến trực tiếp, các phương tiện truyền thông.

- Nội dung:

+ Đối tượng thụ hưởng: Hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

+ Chính sách hỗ trợ: (hỗ trợ cái gì? Mức hỗ trợ thế nào? Quay vòng luân chuyển như thế nào?...).

+ Phương thức thực hiện thế nào?

+ Điều kiện được hỗ trợ ?....

5.2. Xây dựng, thẩm định dự án

a) Bước 1: Xây dựng dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án theo Mẫu số 02 Phụ lục Thông tư số 09/2022/TTBLĐTBXH và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án.

- Hoạt động 1: Ủy ban nhân dân cấp xã: Phân công cán bộ hỗ trợ cộng đồng xây dựng dự án.

- Hoạt động 2: Tổ chức họp cộng đồng dân cư:

+ Phổ biến chính sách hỗ trợ, phương án thực hiện.

+ Bình chọn, lựa chọn hộ đủ điều kiện tham gia dự án.

+ Thống nhất phương án thực hiện dự án bao gồm cả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức đề nghị hỗ trợ, quay vòng vốn, đối ứng, cam kết của hộ tham gia dự án; quyền trách nhiệm của hộ tham gia dự án, tổ trưởng cộng đồng...

+ Bầu Tổ trưởng, đại diện cộng đồng.

+ Các Hộ làm Bản cam kết tham gia dự án.

+ Tổ trưởng, đại diện cộng đồng xây dựng dự án (theo mẫu 02 Phụ lục Thông tư số 09/2022/TTBLĐTBXH).

- Hoạt động 3: Hoàn thành hồ sơ dự án. Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án bao gồm: (1) Biên bản họp dân; (2) Các nội dung về kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; tổng chi phí dự án, đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước chi tiết theo từng hoạt động, phần đóng góp của các thành viên tổ nhóm; dự kiến kết quả thực hiện dự án; hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng,... (theo mẫu 02 Phụ lục Thông tư số 09/2022/TTBLĐTBXH).

b) Bước 2: Thẩm định dự án

Cộng đồng dân cư gửi hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

- Hoạt động 1: UBND cấp xã:

+ Kiểm tra lại toàn bộ sơ xem đã đầy đủ và dung quy định chưa?

+ Làm văn bản đề nghị UBND huyện thẩm định, phê duyệt (kèm theo đầy đủ hồ sơ).

- Hoạt động 2: UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Thủ trưởng phòng chuyên môn trực thuộc theo ủy quyền; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; đại diện cơ quan tài chính, đầu tư và phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết). *(Theo điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)*

- Hoạt động 3: Tổ thẩm định tiến hành thẩm định

+ Phiếu nhận xét, đánh giá của từng thành viên Tổ thẩm định.

+ Biên bản thẩm định.

+ Nội dung thẩm định:

+ Phải làm rõ việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

+ Sự cần thiết thực hiện dự án, phương sản xuất, dịch vụ.

+ Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện dự án, phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).

+ Các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

+ Hồ sơ dự án: Nội dung dự án đáp ứng các điều kiện, yêu cầu theo quy định của Chương trình.

- Hoạt động 4: Cơ quan được giao chủ trì (Phòng Nông nghiệp và PTNT) tổng hợp hồ sơ, biên bản thẩm định. Nếu chưa đạt yêu cầu sửa tiếp, nếu đạt báo cáo UBND cấp huyện đề phê duyệt dự án.

c) Phê duyệt dự án

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Hoạt động 1: Chủ trương chỉ đạo: Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp do cộng đồng dân cư đề xuất.

- Hoạt động 2: Cơ quan được giao chủ trì soạn thảo Quyết định phê duyệt dự án/phương án.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách

nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

(Theo điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)

6. Tổ chức thực hiện dự án

a) Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án.

b) Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

d) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng ký hợp đồng với đại diện cộng đồng dân cư; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

7. Phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương thức mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất *(Khoản 3. Điều 58; Khoản 2, điều 3, Thông tư số 55/2023/TT-BTC)*

7.1. Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng thực hiện, việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự

án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đơn vị được giao vốn thực hiện dự án; chủ trì liên kết, người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm; đơn vị được giao vốn thực hiện dự án lưu giữ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án để thanh quyết toán theo quy định.

7.2. Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trực tiếp thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng.

7.3. Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

8. Trách nhiệm của UBND cấp xã

a) Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, UBND xã ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có).

c) Thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

d) Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

đ) Giám sát kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

9. Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên

- a) Thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với UBND xã.
- b) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.
- c) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo UBND xã (nếu có).

Phụ lục

Các mẫu biểu sử dụng trong Sổ tay

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Có đọc lại cho mọi người cùng nghe. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

Thư ký cuộc họp (ký, ghi rõ họ tên)	Đại diện UBND xã (ký, ghi rõ họ tên)	Chủ trì (Trưởng thôn/bản) (ký, ghi rõ họ tên)
---	--	---

BIỂU MẪU 2**Mẫu số 02.TT số 09/2022/TTBLĐTBXH****Đề cương xây dựng dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):

.....
.....

3. Đối tượng tham gia:

4. Thời gian triển khai:

5. Địa bàn thực hiện:

6. Các hoạt động của dự án:

.....
.....
.....

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):

.....

8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):

.....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):

11. Tổ chức thực hiện dự án:

12. Các nội dung liên quan khác

**ĐẠI DIỆN CỘNG
ĐỒNG DÂN CƯ**
(ký, ghi rõ họ tên)